

Số: /KH-SNV

Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH Chuyển đổi số ngành Nội vụ tỉnh Bắc Giang năm 2023

Căn cứ Kế hoạch số 6649/KH-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2023 (Kế hoạch 6649) và Kế hoạch số 27/KH-SNV ngày 02/7/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang về chuyển đổi số ngành Nội vụ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Kế hoạch 27), Sở Nội vụ xây dựng Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Quán triệt và thực hiện nghiêm các văn bản, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số gắn với thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, đề án, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số của ngành đã xác định tại Kế hoạch 27 nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Kế hoạch 6649 đã xác định trong năm 2023.

2. Yêu cầu: Kế hoạch phải xác định rõ nội dung, rõ đầu mối tham mưu và thời gian thực hiện. Gắn nhiệm vụ được giao với trách nhiệm của người đứng đầu các phòng thuộc Sở Nội vụ, từng vị trí công việc trong cơ quan Sở Nội vụ. Quá trình triển khai các nhiệm vụ cần bảo đảm tính đồng bộ, kế thừa, tránh trùng chéo, lãng phí nguồn lực, thời gian.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Theo dõi, bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số của tỉnh

1.1. Nội dung: Rà soát các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo phạm vi, chức năng của Sở Nội vụ, ngành Nội vụ tại mục 2 phần I, mục 6 phần II Kế hoạch 6649 để chủ động tham mưu Lãnh đạo Sở cụ thể hóa theo các kế hoạch, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của toàn ngành trong năm 2023 để tổ chức, thực hiện; bảo đảm các chỉ tiêu đáp ứng tối thiểu bằng chỉ tiêu chung của toàn tỉnh.

1.2. Đầu mối tham mưu thực hiện: Theo Bảng phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

1.3. Đơn vị phối hợp: Tại Phụ lục kèm theo.

1.4. Thời gian thực hiện: Cả năm 2023.

2. Tiếp tục duy trì tốt các Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nội vụ, của UBND tỉnh Bắc Giang

2.1. Nội dung:

- Hệ thống báo cáo định kỳ theo Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ Nội vụ.

- Hệ thống báo cáo thống kê ngành Nội vụ của Bộ Nội vụ.

- Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Giang.

- Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

2.2. Đầu mối tham mưu thực hiện: Văn phòng.

2.3. Đơn vị phối hợp: Các phòng thuộc Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Sở Nội vụ.

2.4. Thời gian thực hiện: theo quy định tại Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 09/2022/TT-BNV ngày 16/12/2022 của Bộ Nội vụ.

3. Tổ chức chuyển giao, chính thức áp dụng các nền tảng chuyển đổi số của ngành Nội vụ tỉnh Bắc Giang

3.1. Nội dung: Tổ chức chuyển giao, kết nối chính thức áp dụng các nền tảng chuyển đổi số dùng chung của toàn ngành Nội vụ tỉnh Bắc Giang do Bộ Nội vụ tổ chức, gồm: kết nối Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

3.2. Đầu mối tham mưu thực hiện: Phòng Công chức, viên chức.

3.3. Đơn vị phối hợp: Phòng Nội vụ các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan.

3.4. Thời gian thực hiện: Từ Quý I năm 2023 (xong trước ngày 30/6/2023).

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí được phê duyệt theo dự toán ngân sách năm 2023 dành cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì theo Kế hoạch 6649 và Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm chung của các phòng thuộc Sở Nội vụ: Nêu cao tinh thần chủ động, trách nhiệm, chịu trách nhiệm tham mưu lãnh đạo Sở Nội vụ trong chỉ đạo, quản lý, điều hành việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số để xây dựng thành công “cơ quan số” và xây dựng ngành Nội vụ số. Phải xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của ngành giai đoạn 2021-2025. Lãnh đạo, cán bộ các phòng trực tiếp tham gia Ban Chỉ đạo chuyển đổi số chịu trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ theo đúng thời gian, lộ trình đã xác định, tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban Chỉ đạo hoặc theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Văn phòng Sở Nội vụ

- Phối hợp chặt chẽ với các phòng trong triển khai các nhiệm vụ của Sở.

- Tham mưu Lãnh đạo Sở Nội vụ tổng hợp kết quả triển khai các nhiệm vụ; hàng tháng báo cáo tiến độ tại cuộc họp giao ban Sở Nội vụ.

- Đầu mối phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, Bộ Nội vụ trong tham mưu triển khai, tổ chức thực hiện và các chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo các nội dung, kế hoạch của UBND tỉnh, của Bộ Nội vụ về chuyển đổi số trong khối các cơ quan thuộc UBND tỉnh.

- Tham mưu Lãnh đạo Sở cân đối, bố trí đủ kinh phí thực hiện Kế hoạch này; phối hợp các phòng trong công tác quản lý dự toán, sử dụng nguồn kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1105/QĐ-BNV phê duyệt Kế hoạch phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Bám sát Nghị quyết số 21-NQ/BCSD về Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ và Quyết định số 151/QĐ-BNV ngày 25/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án "Chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả điều hành, quản lý của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030".

- Tiếp tục triển khai thực hiện chuyển đổi số tại Sở bám sát các văn bản chỉ đạo của tỉnh như: Nghị quyết số 111-NQ/TU; Kế hoạch 1780/KH-UBND; Kế hoạch 1789/KH-UBND; Kế hoạch 324/KH-UBND; Kế hoạch 5755/KH-UBND.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT, sử dụng chữ ký số để thực hiện gửi, nhận, trao đổi văn bản điện tử. Khai thác, sử dụng hiệu quả phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tác nghiệp (*đã yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức khi xử lý văn bản phải dự thảo tại hồ sơ văn bản đến để hồ sơ tự đóng, không được tự ý cập nhật trạng thái kết thúc hồ sơ khi chưa có văn bản phát hành*). Thực hiện tốt công tác tuyên truyền để nâng cao tỉ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 4, tỉ lệ hồ sơ BCCI và nâng cao tỉ lệ người dân tự nộp hồ sơ trực tuyến; tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Cổng thông tin điện tử Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang.

3. Các phòng được giao đầu mối thực hiện các nhiệm vụ

- Chịu trách nhiệm toàn diện đối với nội dung được giao đầu mối thực hiện.
- Định kỳ tổng hợp, báo cáo tiến độ triển khai qua Văn phòng để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Sở Nội vụ.

4. Phòng Cải cách hành chính

- Căn cứ nội dung tại Kế hoạch này, chủ động rà soát, đề xuất, cân đối, bố trí nguồn lực để triển khai, tổ chức thực hiện bảo đảm đồng bộ giữa Kế hoạch của ngành và kế hoạch của địa phương.

- Bám sát Quyết định số 115/QĐ-BNV ngày 24/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc ban hành kế hoạch triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin

đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”.

- Tiếp tục duy trì có hiệu quả Hệ thống Phần mềm theo dõi, đánh giá, xác định chỉ số CCHC (*par Index*) của các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

5. Phòng Tổ chức, biên chế

- Căn cứ nội dung tại Kế hoạch này, chủ động rà soát, đề xuất, cân đối, bố trí nguồn lực để triển khai, tổ chức thực hiện bảo đảm đồng bộ giữa Kế hoạch của ngành và kế hoạch của địa phương.

- Tiếp tục duy trì có hiệu quả Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu phục vụ tổ chức bộ máy và biên chế tỉnh Bắc Giang.

- Tiếp tục duy trì có hiệu quả Hệ thống cơ sở dữ liệu hội, quỹ, do Bộ Nội vụ xây dựng và triển khai.

6. Phòng Công chức, viên chức

- Căn cứ nội dung tại Kế hoạch này, chủ động rà soát, đề xuất, cân đối, bố trí nguồn lực để triển khai, tổ chức thực hiện bảo đảm đồng bộ giữa Kế hoạch của ngành và kế hoạch của địa phương.

- Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Tiếp tục duy trì có hiệu quả Hệ thống Phần mềm Quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Giang.

- Tiếp tục triển khai đẩy mạnh thực hiện Đề án 06/CP lĩnh vực Nội vụ.

7. Phòng Thi đua, khen thưởng

- Căn cứ nội dung tại Kế hoạch này, chủ động rà soát, đề xuất, cân đối, bố trí nguồn lực để triển khai, tổ chức thực hiện bảo đảm đồng bộ giữa Kế hoạch của ngành và kế hoạch của địa phương.

- Tiếp tục duy trì có hiệu quả phần mềm quản lý dữ liệu khen thưởng tỉnh Bắc Giang.

8. Phòng Xây dựng chính quyền

- Căn cứ nội dung tại Kế hoạch này, chủ động rà soát, đề xuất, cân đối, bố trí nguồn lực để triển khai, tổ chức thực hiện bảo đảm đồng bộ giữa Kế hoạch của ngành và kế hoạch của địa phương.

- Tiếp tục duy trì Hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu về sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP do Bộ Nội vụ xây dựng và triển khai.

9. Chế độ thông tin, báo cáo

Các phòng thuộc Sở Nội vụ, theo nhiệm vụ được phân công, định kỳ báo cáo tiến độ triển khai thực hiện (*qua Văn phòng*) trước ngày 15 của tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Thông tin và Truyền thông*) tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (*trước ngày 20 của tháng cuối quý*).

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung thì kịp thời báo cáo, đề xuất Giám đốc Sở Nội vụ để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Thông tin và Truyền thông (để phối hợp);
- UBND các huyện, thành phố (phối hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng Nội vụ các huyện, thành phố;
- Công TTĐT Sở Nội vụ.
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Vũ Mạnh Hùng

Phụ lục

PHÂN CÔNG ĐẦU MỐI THEO DÕI, BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHUYÊN ĐỔI SỐ NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNV ngày tháng 02 năm 2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Phát triển chính quyền số		
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần phát sinh hồ sơ đạt trên 90%	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở Nội vụ
2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến đạt trên 60%	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở Nội vụ
3	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 40%	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở Nội vụ
4	Số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị mình, đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 70%	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở Nội vụ
5	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các CQNN dưới dạng điện tử đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật)	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở Nội vụ
6	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh trên 95%, tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện trên 85%, tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã trên 55% được xử lý trên môi trường mạng	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở Nội vụ
7	100% các hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu cấp tỉnh được kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP)	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở Nội vụ
8	Trên 85% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở Nội vụ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
9	100% các hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trước ngày 01/3/2023	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở Nội vụ
10	Trên 20% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Thanh tra Sở Nội vụ	Các phòng thuộc Sở Nội vụ
II	Phát triển kinh tế số		
1	Chỉ đạo thanh toán không dùng tiền mặt theo chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh năm 2023	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở Nội vụ